TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
v/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Bà Hoàng Thị Khánh Ly

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Thảo Vân là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng***: Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 12/2019/TLST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Công ty CP Thép N.

Địa chỉ: Ngã Tư C - N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Việt V - Chức vụ: Giám đốc (có mặt).

2. *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

Địa chỉ: Số 35 đường N, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Đình H - Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2019 của nguyên đơn Công ty CP Thép N (Sau đây gọi tắt là Công ty Thép N), bảng tự khai đề ngày 29/10/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Lê Việt V trình bày:

Công ty Thép N và Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (Sau đây gọi tắt là Công ty T) ký kết Hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép số 3010/HĐNT/HTT-NLMT ngày 26/12/2017 với nội dung cụ thể như sau: Công ty T đồng ý mua và Công ty Thép N đồng ý bán thép các loại (thép xây dựng, thép hình, thép ống, thép đặc chủng, chuyên dụng) với khối lượng theo đơn đặt hàng của Công ty T. Đơn giá là giá ghi trong hóa đơn giá trị gia tăng và phương thức thanh toán được thực hiện trên từng đơn hàng cụ thể sau khi hai bên xác nhận qua đơn đặt hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Thép N đã giao hàng đúng số lượng, chất lượng và tiến độ vào ngày 11/4/2018 tương ứng với Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000673 ngày 11/4/2018. Vào ngày 31/12/2018, giữa hai Công ty đã tiến hành lập Biên bản đối chiếu công nợ (từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018), theo đó Công ty T còn nợ Công ty Thép N số tiền là 117.835.972 đồng. Ngày 31/01/2019, thanh toán được 50.000.000 đồng, còn nợ 67.835.972 đồng. Công ty Thép N đã nhiều lần yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền hàng còn nợ nhưng Công ty T không có thiện chí trả nợ. Sau khi khởi kiện thì vào ngày 27/9/2019, Công ty T tiếp tục thanh toán được số tiền 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, theo đó: buộc Công ty T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Thép N số tiền còn nợ là 47.835.972 đồng.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần cho bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cử người đại diện tham gia tố tụng đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2019 thì Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ theo Hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép số 3010/HĐNT/HTT-NLMT ngày 26/12/2017, HĐXX xét thấy đây là tranh chấp giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa.

[1.2] Về thẩm quyền: Theo Điều 5 Hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép số 3010/HĐNT/HTT-NLMT ngày 26/12/2017, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận "*Trong trường hợp thương lượng không đạt kết quả, một trong các bên có quyền khởi kiện đến Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn để yêu cầu giải quyết tranh chấp*". Nguyên đơn có địa chỉ trụ sở tại Ngã Tư C - N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Võ Đình H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu buộc Công ty T thanh toán số nợ gốc 47.835.972 đồng.

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Công ty T không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến cũng như đưa ra chứng cứ để chứng minh đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các

tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như Hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép số 3010/HĐNT/HTT-NLM, Biên bản đối chiếu công nợ, Biên bản giao nhận hàng hóa, Báo giá kiêm xác nhận đơn hàng và hóa đơn giá trị gia tăng là có căn cứ xác định: Ngày 26/12/2017, giữa Công ty Thép N và Công ty T có ký kết Hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép số 3010/HĐNT/HTT-NLMT về việc mua bán các mặt hàng thép trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Thép N đã thực hiện đúng các cam kết theo hợp đồng đã ký kết. Ngày 31.12.2018 hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, tại thời điểm này Công ty T còn nợ lại Công ty Thép N số tiền 117.835.972 đồng. Ngày 31/01/2019, Công ty T đã thanh toán được số tiền 50.000.000 đồng. Công ty Thép N đã nhiều lần có văn bản yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền còn lại là 67.835.972 đồng nhưng Công ty T vẫn không thực hiện. Quá trình tố tụng, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn xác nhận ngày 27/9/2019, bị đơn đã thanh toán được số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 47.835.972 đồng. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ của bên mua quy định tại Điều 50, 55 của Luật Thương mại, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty T thanh toán số tiền hàng còn nợ là 47.835.972 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là cơ sở phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Công ty CP Thép N được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 30, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 24, Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP Thép N đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải thanh toán cho Công ty CP Thép N số tiền là 47.835.972 đồng (bốn mươi bảy triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn chín trăm bảy mươi hai đồng).

Kể từ ngày Công ty CP Thép N có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty CP Thép N được hoàn trả 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000711 ngày 05/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Thanh Tuyền